

Bản án số: **335/2022/HS-PT**
Ngày: 29-8-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hương.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Ký

Ông Nguyễn Thành Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 211/2022/TLPT- HS ngày 02 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo Trần Quốc V và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 163/2022/HS-ST ngày 22/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Quốc V, sinh năm 1999 tại Đồng Nai; Nơi cư trú: khu phố X, phường T, thành phố B; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên Chúa; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hùng L, sinh năm 1958 và bà Lê Thị P, sinh năm 1960; Gia đình có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ năm và chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ ngày 16/12/2020, chuyển tạm giam theo Lệnh số 31 ngày 24/12/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố Biên Hòa. (Có mặt)

2. Đỗ Tấn T1, sinh năm 1986 tại Đồng Nai; Nơi cư trú: khu phố X1,

phường T, thành phố B; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên Chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Từ S, sinh năm 1967 và bà Bùi Thị L1, sinh năm 1964; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Có vợ: Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1996 và chưa có con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ ngày 16/12/2020, chuyển tạm giam theo Lệnh số 32 ngày 24/12/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố Biên Hòa.

Ngoài ra, còn có các bị cáo Lê Mạnh C, Nguyễn Chí T2, Ngô Tấn Đ, Nguyễn Thành N có kháng cáo đã được triệu tập nhưng đã rút kháng cáo trước khi mở phiên tòa; riêng bị cáo Nguyễn Chí H không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 12/2020, đối tượng tên Đ1 (không rõ lai lịch) thuê căn nhà không số tại tổ X2, khu phố X3, phường T2, thành phố B, tỉnh Đồng Nai của chị Nguyễn Thị Thu H1 để kinh doanh Karaoke.

Sau khi thuê, Đ1 thiết kế sửa chữa dán xốp cách âm, gắn đèn laser, hệ thống loa nghe nhạc 04 căn phòng gồm: phòng số 01 và số 02 của tầng 2 (lầu 1), phòng số 03 và số 04 của tầng 3 (lầu 2) làm địa điểm cho những người nghiện đến thuê sử dụng trái phép chất ma túy nhằm thu lợi. Đ1 bố trí bàn, ghế, gối, chăn (mền), đĩa bằng sành sứ, thẻ bằng nhựa tại 04 phòng nêu trên để cho người nghiện sử dụng chất ma túy. Đ1 thuê Trần Quốc V và Đỗ Tấn T1 làm nhân viên với mức lương 7.000.000đ (Bảy triệu đồng)/tháng. V và T1 có nhiệm vụ trực tiếp quản lý, trông coi quán và phục vụ khách đến thuê phòng sử dụng ma túy. Đ1 quy định giá thuê phòng từ 250.000đ đến 350.000đ /01phòng/01giờ, nếu thuê ngày thì 5.000.000đ/01 phòng/ ngày. Khi V và T1 thu tiền thuê phòng của khách xong thì bỏ tiền vào ngăn tủ ở tầng trệt để mỗi ngày Đ1 đến quán Karaoke lấy mang về nhà.

Sau khi chuẩn bị xong, Đ1 giới thiệu và cung cấp số điện thoại có số thuê bao 0844445299 của V và số 0387450354 của T1 để người nghiện ma túy biết đến thuê phòng làm địa điểm sử dụng trái phép chất ma túy nhiều lần, cụ thể:

Khoảng 21 giờ ngày 15/12/2020, nhóm Phạm Văn Q, Trần Quốc D, Đặng Văn S1 rủ nhau thuê phòng sử dụng chất ma túy. Q nhờ Phạm Ngọc T3 điện thoại cho Trần Quốc V để đặt phòng trước. Khoảng 23 giờ cùng ngày, Q, S1, D đến địa chỉ trên được V kêu Đỗ Tấn T1 ra mở cửa dẫn vào phòng số 03. Tại đây, T1 mở đèn laser, mở nhạc và chuẩn bị đĩa sứ, thẻ cà bằng nhựa và 01 tờ tiền mệnh giá 10.000đ (mười nghìn đồng) để Q, S1, D sử dụng ma túy. Q lấy ma túy tổng hợp (hàng khay) của Q mang theo (Ma túy do một người không rõ nhân thân lai lịch cho Q) bỏ vào đĩa sứ đang để trên bàn và dùng thẻ bằng nhựa cà lên rồi cả 03 thay phiên nhau sử dụng bằng hình thức dùng tờ tiền cuộn thành ống hút vào cơ thể. Khoảng 00 giờ ngày 16/12/2021, Q điện thoại cho Phạm Ngọc T3 (là người nghiện ma túy) đến phục vụ cho Q, S1, D sử dụng ma túy. Ngọc T3 rủ Đỗ Thị Bích T3 (cũng là người nghiện ma túy) cùng đến phòng số 03. Ngọc T3 và Bích T3 tiếp tục cùng Q, S1 và D sử dụng hết lượng ma túy trên đĩa và cùng nhau nằm nghe nhạc.

Vào khoảng 22 giờ cùng ngày (15/12/2020), nhóm Ngô Tấn Đ, Nguyễn Chí H, Nguyễn Thành N, Nguyễn Chí T2, Lê Mạnh C sau khi dự sinh nhật tại nhà của N (ấp X4 xã T4, huyện V, tỉnh Đồng Nai). Cả nhóm rủ nhau hùn tiền mua ma túy sử dụng (Bay lắc). (Cả nhóm thỏa thuận để Tấn Đ ứng tiền trước mua ma túy, mỗi người sẽ góp tiền trả lại Tấn Đ sau). Tấn Đ dùng điện thoại di động gọi cho đối tượng (không rõ lai lịch) mua 04 viên ma túy tổng hợp (thuốc lắc) và 01 gói ma túy tổng hợp (hàng khay) với giá 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). Sau đó, Tấn Đ, H, N, T2, Mạnh C rủ thêm bạn là Lê Kim C1 (sinh năm 1990, ngụ tại ấp X5, xã T4, huyện V, tỉnh Đồng Nai) cùng đi chơi. Khoảng 23 giờ 30 phút ngày, cả nhóm 06 người thuê xe Taxi (không rõ lai lịch người điều khiển và biển số xe) chở đến nhà thuê của Đ1 ngụ tại T, V dẫn cả nhóm vào phòng số 01 rồi mở nhạc, đèn laser, cung cấp đĩa sứ, thẻ cà bằng nhựa và 01 tờ tiền mệnh giá 10.000đ (Mười nghìn đồng) cho mọi người sử dụng ma túy. Lúc này, Tấn Đ điện thoại rủ thêm Trương Cẩm H2 (sinh năm 2001, ngụ tại khu phố X6, phường T4, thành phố B) đến để phục vụ cho nhóm Tấn Đ. Sau đó, Tấn Đ lấy gói ma túy (hàng khay) bỏ vào đĩa để trên bàn và T2, N, H, Mạnh C, Kim C1 mỗi người sử dụng $\frac{1}{2}$ viên ma túy tổng hợp (thuốc lắc), cả nhóm dùng tờ tiền cuộn thành ống thay phiên nhau hút ma túy trên đĩa và nằm nghe nhạc. Riêng Cẩm H2 chưa sử dụng ma túy.

Đến khoảng 02 giờ 20 phút, sáng ngày 16/12/2020, khi Trần Quốc V và Đỗ Tấn T1 đang tổ chức cho 02 nhóm thanh niên nêu trên sử dụng trái phép chất

ma túy tại nhà không số thuộc tổ X2, khu phố X3, phường T2, thành phố B, tỉnh Đồng Nai thì bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Đồng Nai phát hiện bắt quả tang, thu giữ tại phòng số 01(tầng 2): 01 gói nilon hàn kín bên trong chứa tinh thể màu trắng và 02 viên và ½ viên nén màu xanh đều là ma túy của nhóm Ngô Tấn Đ, Nguyễn Chí H, Nguyễn Chí T2, Nguyễn Thành N và Lê Mạnh C.

Quá trình làm việc tại đây các bị cáo V và Tấn T1 chưa được tên Đ1 trả lương.

Tại Cơ quan điều tra, V, T1, Đ, N, T2, H, Mạnh C khai nhận hành vi phạm tội như trên.

*Tại bản Kết luận giám định số 2860/KLGD-PC09 ngày 18/12/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai đã kết luận:

-Mẫu tinh thể màu trắng (ký hiệu M1) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng **0,7780** gam loại Ketamine.

-Mẫu 2,5 viên nén màu xanh (ký hiệu M2) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng **1,3631** gam loại MDMA.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 163/2022/HS-ST ngày 22/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã: Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt: các bị cáo **Trần Quốc V, Đỗ Tấn T1** mỗi bị cáo **07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng** tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù của các bị cáo tính từ ngày 16/12/2020; Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 (áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo C); (áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 đối với bị cáo H); Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt: các bị cáo **Nguyễn Chí H, Nguyễn Chí T2** mỗi bị cáo **02 (hai) năm tù**; các bị cáo **Ngô Tấn Đ, Nguyễn Thành N** mỗi bị cáo **01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù**; bị cáo **Lê Mạnh C 01 (một) năm tù** về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù của các bị cáo tính từ ngày thi hành án, được trừ thời gian tạm giam, tạm giữ trước đó.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 25/4/2022, bị cáo Đỗ Tấn T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt

Ngày 03/5/2022, bị cáo Trần Quốc V kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 27/4/2022, các bị cáo Lê Mạnh C, Nguyễn Chí T2, Ngô Tấn Đ, Nguyễn Thành N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 29/8/2022 (trước khi

mở phiên tòa), các bị cáo đã rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo nên Tòa án cấp phúc thẩm đã ra thông báo về việc rút kháng cáo trên. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét kháng cáo của các bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Quốc V, Đỗ Tấn T1 vẫn giữ nguyên kháng cáo và đề nghị HĐXX xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Trần Quốc V, Đỗ Tấn T1 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo V kháng cáo và cung cấp “Đơn” có xác nhận của chính quyền địa phương thể hiện gia đình bị cáo khó khăn, có thu nhập bấp bênh, bị cáo là lao động chính trong gia đình; bị cáo có bà nội là bà Nguyễn Thị Sáu là người có công với cách mạng; bị cáo T1 kháng cáo và cung cấp “Đơn” có xác nhận của chính quyền địa phương thể hiện hoàn cảnh gia đình khó khăn; các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chỉ là nhân viên được Đ1 thuê để phục vụ khách đến quán nhưng đến nay Cơ quan điều tra vẫn chưa bắt được đối tượng Đ1. Do đó, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để thể hiện sự nhân đạo của pháp luật đối với người đã biết ăn năn hối cải.

Đối với các bị cáo Lê Mạnh C, Nguyễn Chí T2, Ngô Tấn Đ, Nguyễn Thành N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng đã rút kháng cáo trước khi mở phiên tòa, Tòa án đã thông báo về việc rút kháng cáo của các bị cáo theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, hành vi phạm tội của các bị cáo có dấu hiệu của tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Do đó, đề nghị HĐXX tiếp tục kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét lại hành vi phạm tội của các bị cáo C, T2, Đ, N theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo Trần Quốc V, Đỗ Tấn T1 làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đã khai nhận:

Khoảng 23 giờ tối ngày 15/12/2020 đến 02 giờ 20 phút sáng ngày 16/12/2020, tại nhà không số thuộc tổ X2, khu phố X3, phường T2, thành phố

B, tỉnh Đồng Nai. Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Đồng Nai phát hiện bắt quả tang, bị cáo Trần Quốc V và Đỗ Tấn T1 đang thực hiện hành vi cho 02 nhóm thanh niên sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng số 01 và phòng số 03 trong căn nhà trên. Cụ thể: Nhóm thứ nhất có **05** người gồm: Phạm Văn Q, Trần Quốc D, Đặng Văn S1, Phạm Ngọc T3 và Đỗ Thị Bích T3; Nhóm thứ hai có **06** người gồm: Ngô Tấn Đ, Nguyễn Chí H, Nguyễn Chí T2, Nguyễn Thành N, Lê Mạnh C, Lê Kim C1, trong đó số ma túy bị thu giữ còn lại có khối lượng: 1,3631 gam loại MDMA và 0,7780 gam loại Ketamine (theo Kết luận giám định số 2860/KLGD-PC09 ngày 18/12/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai) là của nhóm thứ hai (Ngô Tấn Đ, Nguyễn Chí H, Nguyễn Thành N, Lê Mạnh C, và Nguyễn Chí T2) sử dụng chưa hết.

Với hành vi phạm tội nêu trên, các bị cáo Trần Quốc V, Đỗ Tấn T1 đã bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy, là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội tại địa phương. Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có nhân thân tốt (chưa tiền án, tiền sự) để áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), xử phạt mỗi bị cáo **07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù**. Xét mức án trên là có phần nghiêm. Bởi lẽ, trong vụ án này tên Đ1 (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) mới là người phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án. Theo tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện căn nhà có địa chỉ nêu trên do tên Đ1 thuê của chị Nguyễn Thị Thu H1 sau đó Đ1 thiết kế sửa chữa dán xốp cách âm, gắn đèn laser, hệ thống loa nghe nhạc, bố trí bàn, ghế, gối, chăn (mền), đĩa bằng sành sứ, thẻ bằng nhựa nhằm mục đích để cho những người nghiện ma túy đến thuê phòng sử dụng, các bị cáo V, T1 chỉ là người làm thuê được Đ1 trả tiền công mỗi tháng 7.000.000đ, hàng ngày các bị cáo có nhiệm vụ dọn dẹp, đưa đón khách do tên Đ1 chỉ đạo, phục vụ yêu cầu của khách còn Đ1 là chủ sẽ đến lấy tiền thu được trong ngày. Theo đó, cho thấy các bị cáo Trần Quốc V, Đỗ Tấn T1 chỉ là người giúp sức, làm công ăn lương và thực tế các bị cáo cũng chỉ mới làm việc được mấy ngày, chưa kịp nhận lương thì đã bị

phát hiện, bắt giữ. Còn tên Đ1 hiện nay Cơ quan điều tra đang tiếp tục điều tra, làm rõ để bắt giữ xử lý theo quy định pháp luật. Hội đồng phúc thẩm xét thấy trong vụ án này các bị cáo có vai trò thứ yếu, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có nhân thân tốt (chưa có tiền án, tiền sự). Tại cấp phúc thẩm, bị cáo V cung cấp “Đơn” có xác nhận của chính quyền địa phương thể hiện gia đình bị cáo khó khăn, có thu nhập không ổn định, bị cáo là lao động chính trong gia đình; bị cáo có bà nội (Nguyễn Thị Sáu) là người có công với cách mạng; bị cáo T1 cung cấp “Đơn” có xác nhận của chính quyền địa phương thể hiện hoàn cảnh gia đình khó khăn, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo sớm trở về với gia đình, có cơ hội làm lại cuộc đời, cũng thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người đã biết ăn năn, hối cải.

[4] Đối với hành vi của các bị cáo Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Chí T2, Nguyễn Thành N, Lê Mạnh C và bị cáo Nguyễn Chí H (không kháng cáo). Hội đồng phúc thẩm nhận thấy tại Bản tự khai (Bút lục 154) Đ khai “Sau khi nhậu tại sinh nhật của N, tôi cùng T2, N, C, H cùng bàn bạc tìm kiếm địa điểm sử dụng ma túy, tất cả đều đồng ý và bảo tôi đi mua ma túy... chúng tôi có nhờ anh Kim C1 thuê xe và rủ anh Kim C1 cùng đi...” phù hợp với lời khai của Nguyễn Chí H (Bút lục 191), Nguyễn Thành N (Bút lục 213), Nguyễn Chí T2 (Bút lục 244), Lê Mạnh C (Bút lục 271). Theo điểm b mục 6.1 Điều 6 Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 của Bộ Công an – Viện kiểm sát nhân dân Tối cao – Tòa án nhân dân Tối cao – Bộ tư pháp, “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” là một trong những hành vi sau đây: “...*Chỉ huy, phân công điều hành việc chuẩn bị, cung cấp chất ma túy, địa điểm, phương tiện, dụng cụ vào việc sử dụng trái phép chất ma túy, tìm người sử dụng chất ma túy*”. Tuy trong vụ án này, các bị cáo không có người đứng đầu, chỉ huy cụ thể nhưng các bị cáo đều bàn bạc, thống nhất tìm, thuê địa điểm, phương tiện, cử người mua ma túy, rủ Kim C1 cùng sử dụng chất ma túy... và theo Giải đáp số 89/TANDTC-PC ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân Tối cao “...*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy được hiểu là thực hiện một trong các hành vi bố trí, sắp xếp, điều hành con người, phương tiện, cung cấp ma túy, địa điểm, phương tiện, dụng cụ...*”. Do đó, hành vi của các bị cáo có dấu hiệu của tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo Điều 255 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tòa án nhân

dân thành phố Biên Hòa xử phạt các bị cáo Đ, C, T2, N, H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là không đúng với quy định pháp luật. Trước khi mở phiên tòa, các bị cáo Đ, N, C, T2 đã rút toàn bộ kháng cáo nên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã ra thông báo về việc rút kháng cáo đối với các bị cáo. Tuy nhiên, cần tiếp tục kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét xử lý đối với hành vi của các bị cáo theo quy định pháp luật.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

Kháng cáo của các bị cáo V, T1 được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự 2015

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Quốc V, Đỗ Tấn T1, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 163/2022/HS-ST ngày 22/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đối với hình phạt của các bị cáo V, T1

Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo **Trần Quốc V** 04 năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/12/2020

Xử phạt: Bị cáo **Đỗ Tấn T1** 04 năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/12/2020

Các bị cáo V, T1 đều bị xử phạt về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

[2] Kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xem xét lại một phần Bản án HSST số 163/2022/HS-ST ngày 22/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa về tội danh đối với các bị cáo Ngô Tấn Đ, Nguyễn Chí T2, Lê Mạnh C, Nguyễn Thành N và Nguyễn Chí H.

[3] Về án phí: Các bị cáo Trần Quốc V, Đỗ Tấn T1 không phải chịu án

phí hình sự phúc thẩm.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND tp.Biên Hòa(2);
- VKSND tp.Biên Hòa;
- Công an tp.Biên Hòa;
- Chi cục THADS tp.Biên Hòa;
- Phòng PV27 CA tỉnh Đồng Nai;
- Trại giam - Bị cáo;
- Lưu HS (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Hồng Hương

